TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HN** **TỈNH NA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 04/2022/HNGĐ-ST Ngày 18 - 01- 2022 V/v: *Ly hôn*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HN, TỈNH NGHỆ AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phan Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Trần Văn Hải;

2.Bà Nguyễn Thị Yến;

-***Thư ký phiên toà:*** Bà Lê Thị Oanh - cán bộ Toà án nhân dân huyện HN.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HN tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Giang - kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện HN xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 107/2021/TLST - HNGĐ, ngày 07 tháng 12 năm 2021 về việc "Ly hôn".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2021/QĐST – HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh NĐH; sinh năm: 1991; địa chỉ đăng ký thường trú: Thôn X, xã Đ, huyện N, tỉnh TB.Nơi cư trú hiện nay: Số nhà 254; đường H, phường C, thành phố LC. (Vắng mặt- Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Chị TTM; sinh năm: 1995; địa chỉ: Xóm B, xã HT, huyện HN, tỉnh NA. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 03 tháng 12 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án *nguyên đơn anh NĐH trình bày:*

Anh NĐH và chị TTM kết hôn với nhau ngày 19 tháng 9 năm 2016 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh TB. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện không có sự ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng có thời gian chung sống hạnh phúc được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, Nguyên nhân mâu thuẫn là do công việc của anh H và chị M mỗi người một nơi và không đồng nhất về quan

điểm sống nên dần dần không còn tình cảm, thời gian gần đây vợ chồng ngày càng xa cách, chị TTM đã cắt hộ khẩu chuyển về xóm B, xã HT, huyện HN, tỉnh NA để sinh sống. Thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên anh NĐH viết đơn xin ly hôn chị TTM để giải phóng cho nhau. Về con chung: Vợ chồng không có con chung. Về tài sản và các khoản nợ: Anh NĐH không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10 tháng 12 năm 2021 bị đơn chị TTM xác nhận và trình bày về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn đúng như anh NĐH trình bày. Nay anh NĐH yêu cầu ly hôn, chị M hoàn toàn đồng ý. Về con chung: Vợ chồng không có con chung. Về tài sản và các khoản nợ: Chị TTM không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên Tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn, Bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do các bên không hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng theo quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, cho anh NĐH được ly hôn chị TTM. Buộc Nguyên đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình về tranh chấp "Ly hôn". Bị đơn chị TTM có hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại xóm B, xã HT, huyện HN, tỉnh NA. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện HN thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Nguyên đơn anh NĐH có đơn xin xét xử vắn mặt, đơn xin vắng mặt tại các buổi hòa giải và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản cho bị đơn là chị TTM nhưng chị M không có yêu cầu phản tố và có đơn yêu cầu không tiến hành Hòa giải. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh NĐH và chị TTM có đăng ký kết hôn ngày 19 tháng 9 năm 2016 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh TB.Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện không có sự ép buộc và không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại Điều 8 luật Hôn nhân và gia đình. Đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Qua lời khai của anh H, chị M và qua kết quả xác minh tại địa phương, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn của anh NĐH và chị TTM đã đến mức trầm trọng, thời gian sống ly thân đã lâu, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh NĐH được ly hôn chị TTM như đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay.

[3].*Về con chung:* Qua lời khai của anh NĐH và chị TTM, qua kết quả xác minh tại địa phương cho thấy nguyên đơn, bị đơn không có con chung nên tòa án không xem xét.

[4].*Tài sản và các khoản nợ:* anh NĐH và chị TTM không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

[5].*Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc Nguyên đơn anh NĐH phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 207, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh NĐH được ly hôn chị TTM.

Về án phí: Buộc anh NĐH phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí Dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại cơ quan Thi hành án Dân sự huyện HN theo biên lai thu tiền số 0003852 ngày 07 tháng 12 năm 2021.

Về quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh NA;
- VKSND huyện HN;
- THA DS huyện HN
- Đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phan Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hạnh Lê – Nguyễn Trọng Dư **Nguyễn Thị Phan Hương**